

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2025/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 08 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm
hành chính có nội dung phức tạp trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14; Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP, Nghị định số 190/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ khoản 17 Điều 3 Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết 13/2017/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Quy định mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Lào Cai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 931/TTr-STP ngày 03 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định Quy định thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Lào Cai.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp.

Điều 3. Xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp

Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính được xác định có nội dung phức tạp khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Hồ sơ thuộc trường hợp vụ việc vi phạm hành chính có nhiều hành vi vi phạm hành chính hoặc có nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong cùng một vụ việc vi phạm hoặc vi phạm hành chính có tổ chức.

2. Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính được xử lý trên môi trường điện tử theo quy định tại Điều 18a Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Luật số 88/2025/QH15;

3. Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính thuộc trường hợp cần xác minh thêm tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính để ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15.

4. Hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đề nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 và khoản 13 Điều 1 Luật số 88/2025/QH15.

5. Hồ sơ thuộc trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 nhưng phải ban hành quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 33 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14.

6. Hồ sơ thuộc trường hợp đã tổ chức định giá hoặc giám định tang vật, phương tiện vi phạm hành chính từ hai lần trở lên để phục vụ cho việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc có tài liệu, chứng cứ mâu thuẫn cần có thời gian để kiểm tra, xác minh, đánh giá hoặc tham khảo ý kiến của các cơ quan chuyên môn;

7. Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính liên quan đến địa bàn từ 02 đơn vị hành chính xã, phường trở lên;

8. Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính có đối tượng vi phạm là cá nhân, tổ chức nước ngoài;

9. Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính có áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính và khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 122, Điều 129 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung theo khoản 61, điểm i khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14; điểm k khoản 28 Điều 1 Luật số 88/2025/QH15;

10. Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính phải cưỡng chế thi hành áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

11. Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính do người có thẩm quyền xử phạt ngoài tỉnh Lào Cai chuyển đến;

12. Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền gửi lấy ý kiến tham gia bằng văn bản của Sở Tư pháp;

13. Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính thuộc đối tượng kiểm tra theo quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP) thuộc một trong các trường hợp quy định từ khoản 1 đến khoản 11 Điều này hoặc có hạn chế, bất cập, sai sót, vi phạm.

Điều 4. Thẩm quyền, cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp

1. Thẩm quyền xác định

a) Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực thuộc tỉnh xác định đối với các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính do người có thẩm quyền tại cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

b) Người được giao nhiệm vụ trưởng đoàn hoặc chủ trì thực hiện kiểm tra, thanh tra công tác thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính xác định đối với các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc phạm vi kiểm tra, thanh tra công tác thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính;

c) Giám đốc Sở Tư pháp xác định đối với các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền gửi lấy ý kiến của Sở Tư pháp bằng văn bản.

2. Cách thức xác định.

Căn cứ quy định tại Điều 3 Quyết định này, người tiến hành kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm lập danh mục hồ sơ các vụ việc có nội dung phức tạp đề nghị người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều

này xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp để làm cơ sở thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2025 và thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái Quy định thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

b) Điều 10 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai Quyết định này.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan thanh quyết toán kinh phí thực hiện Quyết định này theo quy định hiện hành.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ thì áp dụng theo quy định, văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như khoản 1 Điều 6 QĐ;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Các Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Huấn);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Huy Tuấn